TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 3 - 2019
V/v xin Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thành

2. Ông Sơn Mứt

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X tham gia phiên tòa: thuộc Tr hợp không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Ngọc Đ**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ 5, Khóm 2, phường CV, thị xã X, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Tr**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 16, Khóm 1, phường CV, thị xã X, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2018 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc Đ trình bày:

Chị Đ và anh Tr do tự quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường CV,

thị xã X cấp giấy chứng nhận ngày 01/3/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm, không hiểu nhau, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, chị và anh Tr đã sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay. Vào năm 2017 chị có làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Tr nhưng không được Tòa án chấp nhận. Đến nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Tr không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Tr.

Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Băng Như, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Huỳnh Nhã Kỳ, sinh ngày 30/7/2012, hiện 02 cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để cháu Nguyễn Huỳnh Băng Như được sống chung với anh Tr, chị không cấp dưỡng. Còn cháu Nguyễn Huỳnh Nhã Kỳ được sống với chị, chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Ngọc Tr trình bày: Anh thống nhất với chị Đ về quá trình hôn nhân, nhưng anh và chị Đ không có mâu thuẫn gì lớn, anh còn thương yêu vợ con, không muốn ly hôn với chị Đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc Đ trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh Tr.

+ Về con chung: Chị đồng ý để cháu Nguyễn Huỳnh Băng Như được sống chung với anh Tr, chị không cấp dưỡng. Còn cháu Nguyễn Huỳnh Nhã Kỳ được sống với chị, chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Tr trình bày: Anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Nếu Tòa án quyết định cho ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Băng Như và Nhã Kỳ, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng, anh cũng không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ và anh Tr đều trình bày, anh chị kết hôn năm 2007, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Chị Đ đã khởi kiện xin ly hôn với anh Tr vào năm 2017 nhưng không được chấp nhận. Nay chị Đ thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã ly thân với anh Tr từ hơn hai năm nay, không qua lại với nhau, hiện tại chị không còn tình cảm với anh Tr. Riêng anh Tr trình bày vẫn còn thương yêu vợ con, không muốn ly hôn. Tuy nhiên, vào năm 2017 Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là đã tạo điều kiện để anh Tr và chị Đ có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng chị Đ và anh Tr vẫn không hàn gắn được. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh Tr đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hiện tại anh chị đã ly thân hơn hai năm nay, chị Đ cũng đã khởi kiện xin ly hôn với anh Tr vào năm 2017, chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ là có cơ sở để chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh Tr.

[2] Về con chung: Giữa chị Đ và anh Tr có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Băng N, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Huỳnh Nhã K, sinh ngày 30/7/2012, hiện 02 cháu đang sống chung với chị Đ. Cả chị Đ và anh Tr đều có nguyện vọng sau khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, nhưng theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Huỳnh Băng N thì sau khi chị Đ và anh Tr ly hôn, cháu xin được sống cùng anh Tr. Riêng cháu Nguyễn Huỳnh Nhã K còn nhỏ và chị Đ có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định như sau:

- Buộc chị Đ giao cháu Nguyễn Huỳnh Băng N, sinh ngày 08/8/2008 cho anh Tr được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Băng N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh Nhã K, sinh ngày 30/7/2012 cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhã K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ và anh Tr mỗi người trực tiếp nuôi một con chung, xét thấy chị Đ và Tr đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh Tr đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Đ phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Tr.

2. Về con chung:

- Buộc chị Đ giao cháu Nguyễn Huỳnh Băng N, sinh ngày 08/8/2008 cho anh Tr được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Băng N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh Nhã K, sinh ngày 30/7/2012 cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhã K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh Tr đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009412, ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã X, số tiền này được trừ vào tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Do đó, chị Đ không phải nộp tiếp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Tr hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn, Bị đơn, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- UBND phường CV;
- Đương sự: 02
- Lưu: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Toàn